TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/DS-ST
Ngày: 07/8/2020
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2020/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ; địa chỉ: số 328, quốc lộ 30, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ; địa chỉ: số 328, quốc lộ 30, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T: Ông Lê Tấn B, sinh năm 1971 – Chức vụ: Nhân viên Phòng kiểm soát và Pháp chế Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ; địa chỉ: số 328, quốc lộ 30, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mai Trí T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các B bản hòa giải, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/01/2018, giữa Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ (sau đây gọi tắt là Công ty) và ông Mai Trí T có ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 13/NLĐT-HĐ.2018.BL-TATT, theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng thì phía Công ty sẽ cung cấp (bán) các loại xăng dầu cho ông T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng. Tuy nhiên, phía ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán theo thỏa thuận giữa các bên. Theo văn bản xác nhận công nợ giữa Công ty với ông T ngày 01/7/2019 thì ông T nợ Công ty số tiền vốn gốc là 43.000.000 đồng. Mặc dù, Công ty đã nhắc nhở và yêu cầu ông T thanh toán nhiều lần nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Nay, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ yêu cầu ông Mai Trí T, bà Nguyễn Thị V (là vợ của ông T) có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua bán xăng dầu còn nợ tổng cộng là: 44.684.657 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 43.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày 20/10/2019 là 1.684.657 đồng) và tiền lãi chậm trả phát sinh là 10% từ ngày 21/10/2019 đến khi ông T, bà V thanh toán hết nợ gốc.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định yêu cầu ông T, bà V trả số tiền mua nhiên liệu còn nợ vốn gốc là 43.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 8%/năm từ ngày 31/7/2019 đến ngày 20/10/2019 và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 21/10/2019 đến khi ông T, bà V thanh toán hết nợ gốc trên mức lãi suất 8%/năm.

Bị đơn ông Mai Trí T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng, hiện vẫn còn chung sống với nhau. Ông thống nhất theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp nguyên đơn về thời gian ký hợp đồng, số lượng mua bán xăng dầu và hiện nay ông còn nợ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ số tiền tổng cộng là: 44.684.657 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 43.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày 20/10/2019 là 1.684.657 đồng). Nay, vợ chồng ông đồng ý trả số tiền 44.684.657 đồng cho Công ty, nhưng yêu cầu trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ; đối với yêu cầu tính lãi phát sinh 10% từ ngày 21/10/2019 đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Công ty thì ông không đồng ý.

Đối với B bản xác nhận công nợ ngày 31/7/2019 và ngày 31/8/2019, thì chữ ký tên "T" đại diện bên mua là do vợ (Nguyễn Thị V) ông ký tên thay tên "T" của ông (Vì thời điểm đó ông đi làm xa không có ở nhà), nhưng ông thống nhất với các B bản xác nhận công nợ này, với số tiền ông còn nợ Công ty là 43.000.000 đồng. Đối với Giấy cam kết lần 3 ngày 13/10/2019 thì ông xác định chữ viết và chữ ký tên của ông vợ (V) ông.

Tại phiên tòa, ông T đồng ý trả cho Công ty nhiên liệu số tiền vốn 43.000.000 đồng với hình thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 43.000.000 đồng. Đối với lãi suất mà Công ty yêu cầu, ông T chỉ đồng ý tính lãi từ ngày xét xử đến khi vợ chồng ông T trả xong vốn gốc 43.000.000 đồng cho Công ty nhiên liệu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Tại phiên Tòa, bà V thống nhất theo lời trình bày của ông T, bà đồng ý cùng với ông T trả cho Công ty nhiên liệu số tiền gốc 43.000.000 đồng với hình thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 43.000.000 đồng. Đối với lãi suất mà Công ty yêu cầu, bà đồng ý cùng ông T trả từ ngày xét xử đến khi vợ chồng bà trả xong vốn gốc 43.000.000 đồng cho Công ty nhiên liệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 01/01/2018, giữa Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ (Công ty) và ông Mai Trí T có ký hợp đồng mua bán xăng dầu, mục đích chạy thuê máy xới, máy cắt lúa, hình thức thanh toán mỗi tháng sẽ tất toán một lần nhưng không vượt quá hạn mức 50.000.000 đồng. Trong quá trình mua bán, ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán và còn nợ 43.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Lê Tấn B – đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu ông T, bà Nguyễn Thị V (vợ ông T) liên đới trả số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng, lãi 08%/năm kể tà ngày 31/7/2019 đến ngày 20/10/2019 và yêu cầu tính lãi tiếp theo 08%/năm trên số tiền chậm trả từ ngày 21/10/2019 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Phía ông T thống nhất còn nợ Công ty vốn gốc 43.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và xin trả dần lãi 08%/năm kể từ ngày xét xử đến khi thanh toán hết số nợ cho công ty.

Xét thấy, hợp đồng mua bán tài sản giữa Công ty và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và lập thành văn bản ngày 01/01/2018. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất, việc ông T chậm thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty nên việc Công ty yêu cầu tính lãi suất là phù hợp Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự. Riêng, bà V tuy không trực tiếp giao dịch với Công ty nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và tờ cam kết bà V ngày 13/10/2019, bà V đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ nên việc Công ty khởi kiện yêu cầu bà V liên đới cùng ông T trả số tiền nợ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, xin trả lãi 08%/năm kể tà ngày xét xử đến khi thanh toán hết số nợ cho Công ty của ông T, không được phái Công ty đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ.

- Buộc ông Mai Trí T, bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm liên đới trả Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ số tiền vốn gốc 43.000.000 đồng, lãi 08%/năm kể tà ngày 31/7/2019 đến ngày 20/10/2019 và tính lãi tiếp theo 08%/năm trên số tiền chậm trả kể tà ngày 21/10/2019 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ông Mai Trí T, bà Nguyễn Thị V. Ông T, bà V có nơi cư trú ấp T, xã M, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, tại đơn khởi kiện và các B bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua bán xăng dầu còn nợ. Do đó, vụ án được xác định là tranh chấp giao dịch dân sự về Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

[3] Tại phiên Tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 08%/năm từ ngày 31/7/2019 đến ngày 20/10/2019 và yêu cầu tính lãi phát sinh theo mức lãi suất 8%/năm từ ngày 21/10/2019 đến khi ông T, bà V thanh toán hết nợ gốc. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Hợp đồng mua bán xăng dầu số 13/NLĐT-HĐ.2018.BL-TATT ngày 01/01/2018 được ký kết giữa Công ty với ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng mua bán hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, các bên thống nhất số tiền mà các bên tranh chấp vốn gốc: 43.000.000 đồng. Phía ông T cũng đồng ý trả số tiền này cho Công ty, nhưng yêu cầu được trả dần 2.000.000đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo hợp đồng đã làm phát

sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của người mua theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nay lại yêu cầu trả dần và yêu cầu này cũng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, việc Công ty khởi kiện ông T yêu cầu trả vốn gốc 43.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của Công ty, yêu cầu bà V có nghĩa vụ cùng với ông T thanh toán cho Công ty số tiền 43.000.000 đồng. Xét thấy, bà V không cùng ông T tham gia các giao dịch với Công ty. Tuy nhiên, số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà V cũng biết việc này và cũng đồng ý cùng ông T trả số tiền này cho Công ty. Do đó, có cơ sở buộc bà V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông T thanh toán cho Công ty số tiền vốn 43.000.000 đồng là phù hợp Điều 288 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Ngoài yêu cầu trả vốn, đại diện nguyên đơn có yêu cầu ông T, bà V chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 08%/năm từ ngày 31/7/2019 đến ngày 20/10/2019 và tiền lãi chậm trả phát sinh theo mức lãi suất 08%/năm từ ngày 21/10/2019 đến khi ông T, bà V thanh toán hết nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T là người có trách nhiệm thanh toán tiền mua xăng dầu cho Công ty theo thỏa thuận, nhưng do ông T đã không thực hiện trách nhiệm của mình là vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán cho Công ty nên phải chịu khoản tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ cho đến khi ông T, bà V thanh toán xong khoản nợ với Công ty là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Mặt khác, mức lãi suất phía Công ty yêu cầu không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và các đương sự đều thống nhất thời gian ông T chậm thực hiện nghĩa vụ là ngày 31/7/2019, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

Từ ngày 31/7/2019 đến ngày 20/10/2019 là 81 ngày x 0,022%/ngày (08%/năm) x 43.000.000 đồng = 766.260 đồng.

[7] Phía ông T, bà V có yêu cầu Công ty bỏ lãi ở các giai đoạn trước, chỉ yêu cầu tính lãi từ thời điểm xét xử đến khi ông T, bà V thanh toán hết số nợ gốc cho Công ty, nhưng không được phía Công ty đồng ý. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông T, bà V.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông T, bà V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ số tiền vốn 43.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 20/10/2019 là 766.260 đồng. Tổng cộng 43.766.260 đồng. Đồng thời, ông T, bà V phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả phát sinh theo mức lãi suất 08%/năm từ ngày 21/10/2019 đến khi ông T, bà V thanh toán hết nợ gốc.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T, bà V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 288, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ đối với ông Mai Trí T, bà Nguyễn Thị V.

Buộc ông Mai Trí T, bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ số tiền vốn 43.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 20/10/2019 là 766.260 đồng. Tổng cộng 43.766.260 đồng (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày 21/10/2019, ông Mai Trí T, bà Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 08%/năm cho đến khi ông T, bà V thanh toán xong khoản nợ gốc cho Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Trí T, bà Nguyễn Thị V phải chịu 2.188.313 (Hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm mười ba đồng).

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ tiền tạm ứng án phí 1.117.116 (Một triệu, một trăm mười bảy nghìn, một trăm mười sáu đồng) mà Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đ đã nộp theo B lai thu số 0008065, ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư